

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Huệ

2. Bà Vương Thị Thu Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị M, sinh năm 1981. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Vầu Sơn, xã Ngòi A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-9-2023 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ cùng đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn cùng nhau ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, khi sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau những mâu thuẫn đó chị M và anh Q đã nhiều lần hòa giải xong không thành. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay chị M không sống cùng anh Q nữa và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị Trương Thị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về nuôi con chung: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung cháu Nguyễn Đức M1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2008 hiện nay cháu M1 đang sống cùng chị M khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức M1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị M không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn Q không có tài sản chung và không nợ ai nên chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q hiện đang thường trú tại thôn V, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn Q tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn cùng nhau ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, khi sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau những mâu thuẫn đó chị M và anh Q đã nhiều lần hòa giải xong không thành. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay chị M không sống cùng anh Q nữa và không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị Trương Thị M xác định tình cảm vợ chồng đã hết chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhiều lần triệu tập và thông báo phiên hoà giải nhưng anh Nguyễn Văn Q đều cố tình lẩn tránh và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ đó có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị M và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Trương Thị M đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị M xử cho chị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Q là có cơ sở.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung cháu Nguyễn Đức M1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2008. Hiện nay

cháu M1 đang sống cùng chị M cuộc sống ổn định, chị M có thu nhập trung bình 6.500.000 đồng/01 tháng, có chỗ ở, còn anh Nguyễn Văn Q thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không quan tâm đến con chung, chị M đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được nuôi dưỡng cháu M1 cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi và chị M không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu M1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết được chị M nuôi dưỡng.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đề nghị của chị Trương Thị M được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức M1 là chính đáng phù hợp với nguyện vọng của cháu M1 do đó cần giao cháu M1 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Trương Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Trương Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Trương Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Q

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức M1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2008 cho đến khi các cháu M1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2022/0001823, ngày 06-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên (xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngòi A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Lâm

